

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-PT

Ngày 12 – 4 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hữu Nhân
- *Các Thẩm phán:*
  - Ông Nguyễn Văn Thanh
  - Ông Huỳnh Châu Thạch

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*  
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐ-PT ngày 05/01/2021; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 78/TB-TA ngày 18/02/2021; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 168/TB-TA ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Số 117 TP, Phường M, thành phố ĐL.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Đăng Việt A, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 07 ĐDT, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Căn hộ D03.11 chung cư A – K, phường PH, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2020).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Trần Đình L - Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Hoa C, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 117 ĐT, Phường T, thành phố ĐL.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Thị Tuyết H - Văn phòng Luật sư AB thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phan Đăng Việt A, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 07 ĐDT, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Căn hộ D03.11 chung cư A – K, phường PH, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Đỗ Thành Q, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 26F Y, Phường M, thành phố ĐL.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Mỹ T - Nguyên đơn; ông Vũ Hoa C – Bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL.

(Các đương sự và Luật sư đều có mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T thì:*

Ngày 03/5/2019, ông Vũ Hoa C có làm giấy vay bà Trần Thị Mỹ T số tiền 03 tỷ đồng, với lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng. Sau đó ông C có đến gặp bà T và đề nghị bà T nhận chuyển nhượng nhà và đất tại thửa đất số 2166 theo tờ bản đồ số 15 (45g) tọa lạc tại 117 ĐT, Phường T, thành phố ĐL với giá 20 tỷ đồng vì ông C không có tiền để mua. Ông C là người trực tiếp liên hệ giao dịch với chủ tài sản, sau đó bà T và ông C sẽ bán tài sản để kiếm lời và chia phần ông C 20%, bà T 80%.

Sau khi kiểm tra nhà và giấy tờ nhà đất, bà T thấy hợp lý nên đã thống nhất với đề nghị của ông C. Đến ngày 10/5/2019, ông C báo cho bà T biết việc liên hệ và giao dịch mua bán nhà đã thành công và đề nghị bà T chuyển trước cho chủ nhà với số tiền là 17 tỷ đồng. Trong đó, chuyển khoản 14,8 tỷ đồng, thanh toán tiền mặt 2,2 tỷ đồng; còn lại 3 tỷ đồng sau khi làm thủ tục mua bán xong sẽ thanh toán đủ; việc thanh toán trước được thực hiện vào ngày 13/5/2019. Theo đề nghị trên của C, bà T đã chuyển trả tiền mua nhà đất vào tài khoản của bà Trần Thụy Kim N (chủ nhà) với số tiền 14.800.000.000đ (*mười bốn tỷ, tám trăm triệu đồng*) và đưa cho C 2.000.000.000đ (*hai tỷ đồng*) để C thanh toán trực tiếp cho người bán nhà.

Do có người trả giá cao hơn nên bà T đề nghị ông C làm hợp đồng chuyển nhượng lại nhưng đến buổi chiều ngày 13/5/2019, ông C đến nhà bà T và năn nỉ để lại căn nhà cho ông C ở vì hợp phong thủy với C. Còn số tiền bà T đã ứng ra thanh toán tiền nhà được coi như ông C vay của bà T và đề nghị được trả lãi theo mức lãi suất 2%/tháng. Sau khi làm thủ tục mua bán nhà xong, ông C sẽ vay Ngân hàng trả cho bà T. Tổng số tiền bà T đã cho ông C vay đến thời điểm này là 19.800.000.000đ (*mười chín tỷ, tám trăm triệu đồng*). Sau đó, C tiếp tục vay tiền của bà T nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 15/5/2019, cho ông C vay 1.200.000.000đ (*một tỷ hai trăm triệu đồng*).
- Ngày 18/6/2019, cho ông C vay 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*);
- Ngày 27/6/2019, cho ông C vay 1.500.000.000đ (*một tỷ năm trăm triệu đồng*).
- Ngày 28/6/2019, cho ông C vay 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*).

Như vậy, tổng cộng số tiền mà ông C đã vay của bà T là: 23.000.000.000đ (*hai mươi ba tỷ đồng*).

Trong quá trình vay, ông C đã trả tiền nợ gốc với các lần cụ thể như sau:

- Ngày 09/5/2019, trả 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*);
- Ngày 16/5/2019, trả 206.000.000đ (*hai trăm lẻ sáu triệu đồng*);
- Ngày 21/5/2019, trả 60.000.000đ (*sáu chục triệu đồng*);
- Ngày 27/6/2019, trả 16.000.000.000đ (*mười sáu tỷ đồng*);
- Ngày 08/7/2019, trả 3.670.000.000đ (*ba tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng*);

Tổng cộng số tiền ông C đã trả cho bà T là: 20.636.000.000đ (*hai mươi tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

Tính đến ngày 27/6/2019, ông C còn nợ bà T số tiền 2.364.000.000đ (*hai tỷ, ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

Sau đó, đến ngày 25/8/2019, ông C vay tiếp 636.000.000đ (*sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng*) và cộng với nợ cũ chưa trả nên ông C đã ghi giấy nhận nợ với số tiền là 3.000.000.000đ (*ba tỷ đồng*).

Đến khoảng cuối tháng 12/2019, ông C tiếp tục vay của bà T nhiều lần và đến ngày 03/02/2020, ông C tổng hợp ghi giấy nhận nợ bà T với số tiền 1.046.000.000đ (*một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

Như vậy, tính đến ngày 03/02/2020, ông C còn nợ bà T 4.046.000.000đ (*bốn tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu đồng*). Toàn bộ tiền là do bà Trần Thị Mỹ T cho ông Vũ Hoa C vay, anh Việt A là con rể nên chỉ chuyển tiền và nhận tiền thay cho mẹ anh là bà T chứ anh Việt A không có liên quan gì đến việc cho vay giữa bà T và ông C.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Hoa C trả nợ cho bà T với số tiền gốc đã vay là 4.046.000.000đ (*bốn tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi theo hai giấy vay tiền mà ông C đã viết nhận nợ ngày 25/8/2019 và ngày 03/02/2020.

*Theo lời trình bày của bị đơn Vũ Hoa C thì:*

Ông không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn vì ông và bà T không có thỏa thuận nào về việc mua chung nhà đất tại 117, ĐT, Phường T, thành phố ĐL. Số tiền này là do bà T cho ông vay để mua nhà, cụ thể:

**\* Đối với giấy vay tiền 03 tỷ:**

+ Ngày 02/5/2019 vay 03 tỷ để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 07 ngày, lãi suất 4.000/ngày/03 tỷ. Lãi của 03 tỷ từ ngày 02/5/2019 đến ngày 09/5/2019 là 07 ngày x 4000đ x 03 tỷ = 84.000.000đ (ông C chưa trả tiền lãi).

Ngày 10/5/2019 ông C trả 700.000.000đ. Ngày 13/5/2019 trả 300.000.000đ, bà T tính lãi 04 ngày x 2,3 tỷ x 4000 = 36.800.000đ (ông C chưa trả tiền lãi).

Ngoài ra, bà T yêu cầu ông trả thêm 16.000.000đ tiền lãi (gọi là phí dịch vụ).

Cộng lại, ông C còn nợ gốc và lãi và phí dịch vụ của bà T là 2.136.800.000đ (hai tỷ một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

+ Ngày 13/5/2019, ông C vay bà T 14,8 tỷ để mua nhà tại số 117, ĐT, Phường T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, cộng nợ cũ 02 tỷ = 16.800.000.000đ (mười sáu tỷ tám trăm ngàn đồng).

Ngày 27/6/2019, ông C và bà T chốt nợ gốc và lại như sau: nợ gốc là 16.800.000.000đ; lãi từ ngày 13/5/2019 đến 27/6/2019 là 45 ngày x 16.800.000.000đ x 4000đ = 3.024.000.000đ. Tổng cộng là 19.824.000.000đ (ông C chưa trả)

+ Ngày 15/5/2019, ông C vay bà T 1,2 tỷ để đáo hạn, đến ngày 22/5/2019 đã hết gốc và lãi, không còn nợ.

+ Ngày 03/6/2019, ông C vay 03 tỷ đáo hạn Ngân hàng, đến ngày 04/6/2019 đã hết gốc và lãi, không còn nợ.

+ Ngày 18/6/2019, ông C vay bà T 200.000.000đ (ông Việt A là người chuyển tiền cho tôi). Ngày 27/6/2019, bà T tính lãi của số tiền này là 10 ngày x 200.000.000đ x 4000đ = 8.000.000đ

Ngày 27/6/2019, ông C và bà T chốt nợ gốc và lãi là 16.800.000.000đ (gốc) + 200.000.000đ (gốc) + 3.024.000.000 (lãi) + 136.000.000đ (lãi) + 8.000.000đ (lãi) = 20.168.800.000đ.

Cùng ngày 27/6/2019, ông C chuyển trả cho bà T 16 tỷ đồng nên còn nợ lại gốc và lãi 4.168.800.000đ.

+ Ngày 28/6/2019, ông C vay tiếp 1.800.000.000đ (ông Việt A chuyển) + 4.168.800.000đ = 5.968.800.000đ.

Đến ngày 05/7/2019, bà T tính gốc và lãi 08 ngày x 5.968.800.000đ x 4.000đ = 191.001.600đ.

Cộng dồn nợ gốc và lãi là  $5.968.800.000đ + 191.001.600đ = 6.159.801.600đ$

Ngày 05/7/2019, ông C nhờ anh Vũ Văn Bắc (là người quen làm hồ sơ giải ngân từ Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Đông Sài Gòn) chuyển trả cho bà T thông qua tài khoản của anh Việt A là 3.670.000.000đ. Như vậy  $6.159.801.600đ - 3.670.000.000đ = 2.489.801.600đ$ .

Ngày 25/8/2019, bà T tính lãi của số tiền 2.489.801.600đ x 51 ngày (từ ngày 05/7/2019 đến ngày 25/8/2019) x 4.000đ = 507.991.404đ.

Tất cả những lần vay tiền ông C đều có viết giấy vay với bà T.

Cộng gốc và lãi là 2.997.793.000đ. Do đó, ông C viết giấy mượn tiền ghi ngày 25/8/2019 cho bà T với số tiền làm tròn là 03 tỷ đồng.

**\* Đối với giấy vay tiền 1.046.000.000đ:**

Ngày 06/01/2020, ông C có viết giấy vay tiền của bà T với tổng số tiền là 1.046.000.000đ (trong đó nợ gốc là 880.000.000đ đã trả 20.000.000đ nên còn lại 860.000.000đ, nợ lãi là 186.000.000đ).

Nay, bà T yêu cầu ông C trả số tiền 4.046.000.000đ (*bốn tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu đồng*) thì ông không đồng ý vì:

Đối với giấy vay tiền 03 tỷ đồng thì trong suốt quá trình ông C vay và trả lãi cho bà T đã vượt quá số tiền 03 tỷ.

Đối với giấy 1.046.000.000đ thì ông chỉ đồng ý trả 660.000.000đ tiền gốc (vì trong số tiền gốc 860.000.000đ phải trừ 200.000.000đ vì trùng với số tiền 200.000.000đ ông Việt A chuyển cho ông C đã cộng vào số tiền ông chót vay 03 tỷ) và tiền lãi tạm tính từ ngày 06/01/2020 đến 18/6/2020 là: 05 tháng 13 ngày x 1.66%/tháng x 660.000.000đ = 17.858.000đ.

Vì vậy, ông C chỉ đồng ý thanh toán gốc và lãi cho bà Trần Thị Mỹ T là 677.858.000đ.

*Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đăng Việt A thì:*

Vào khoảng tháng 5/2019 đến tháng 02/2020, anh Việt A có tham gia và nhận chuyển giùm tiền của mẹ ông là bà Trần Thị Mỹ T, giao dịch với ông Vũ Hoa C. Ông Việt A không liên quan gì đến các khoản tiền mà mẹ ông là bà Trần Thị Mỹ T đã giao dịch với ông Vũ Hoa C trong khoảng thời gian nói trên nhất là trong giấy mượn tiền do ông C viết ngày 03/02/2020 vì tại thời điểm này ông không có mặt ở nhà. Do vậy, ông Việt A không có ý kiến gì đến các khoản tiền nói trên.

*- Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thành Q thì:*

Ông không quen biết ông Vũ Hoa C mà chỉ quen biết bà Trần Thị Mỹ T. Ông có cho bà T mượn số tiền 15.000.000 đồng, không nhớ cụ thể ngày cho mượn; ông đưa tiền trực tiếp cho bà T tại Ngân hàng Nam Á (có mặt của ông Vũ

Hoa C). Đến khoảng ngày 08/9/2019, thì bà T là người trực tiếp trả lại cho ông số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*), nên giữa ông và bà T không còn liên quan đến số tiền này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với ông Vũ Hoa C.

Buộc ông Vũ Hoa C phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ T tổng số tiền nợ gốc là 3.860.000.000đ (*ba tỷ tám trăm tám chục triệu đồng*).

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2020, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền gốc mà ông C phải trả cho bà.

Ngày 08/10/2020, bị đơn ông Vũ Hoa C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và chấp nhận kháng cáo của ông, ông chỉ đồng ý thanh toán cho bà T số tiền 379.000.000 đồng.

Ngày 09/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL ban hành Quyết định kháng nghị số: 09/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án theo hướng hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T là ông Phan Đăng Việt A vẫn giữ nguyên kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn ông Vũ Hoa C vẫn giữ nguyên kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoa C; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL theo hướng buộc bà T trừ số tiền 15.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng

vào số tiền ông C còn nợ bà T. Tổng số tiền ông C còn phải trả cho bà T là 3.645.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ hai giấy mượn tiền ghi ngày 25/8/2019 và ngày 03/02/2020 do ông C ký xác nhận vay tiền của bà T tổng số tiền là 4.046.000.000đ; bà T cho rằng ông C không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà T, kháng cáo của bị đơn ông C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL thì thấy rằng:

[2.1] Căn cứ bản chính giấy mượn tiền do ông Vũ Hoa C ghi ngày 25/8/2019, thì ông C có mượn và nhận đủ số tiền 3.000.000.000đ của bà Thương và cam kết trả trong vòng 30 ngày (BL 60) và bản chính giấy mượn tiền ghi ngày 03/02/2020 với số tiền 1.046.000.000đ, cam kết sẽ trả đủ số tiền nợ vào ngày 20/02/2020 (BL 23). Tuy nhiên, đến hết hạn cam kết trả nợ, ông C không thực hiện việc trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu ông C phải có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền nợ gốc là 4.046.000.000đ.

Xét thấy, Việc vay mượn tiền giữa ông C với bà T là có xảy ra trong thực tế. Các đương sự xác định thời gian mượn tiền diễn ra có xê dịch từ 01 đến 02 ngày so với phiếu chuyển tiền và có việc chuyển, nhận tiền thông qua tên người khác, nhưng tất cả giao dịch này đều chính là tiền giao dịch vay mượn giữa bà T với ông C. Đồng thời, các bên xác định do làm ăn, tin tưởng lẫn nhau nên trong quá trình vay mượn ngoài những lần chuyển tiền mà các bên đã xác nhận thì còn có những lần đã nhận và trả tiền trực tiếp với nhau nên không có giấy tờ ghi nhận.

[2.2] Ông C xác định giấy mượn tiền ghi ngày 25/8/2019 với số tiền 3.000.000.000đ và giấy mượn tiền ghi ngày 03/02/2020 với số tiền 1.046.000.000đ là do chính ông viết và ký xác nhận, nhưng đối với số tiền nợ 3.000.000.000đ thì thực chất đây là số tiền lãi mà bà T đã tính cho ông trong quá trình vay mượn tiền giữa hai bên từ thời gian ngày 02/5/2019 cho đến ngày 25/8/2019 (ngày ông viết giấy nợ 3.000.000.000đ) với tổng số tiền lãi là 2.997.793.126đ, nên ông viết tròn thành số tiền ông nợ bà T là 3.000.000.000đ. Ông C có xuất trình 01 bản photo giấy tính tiền lãi do bà T viết và chốt nợ vào ngày 13/5/2019, trong đó bà T có tính tiền lãi của số tiền tính lãi của số tiền gốc 3 tỷ đồng (*từ ngày 02/5 đến ngày 09/5 = 07 ngày*): 07 ngày x 3 tỷ đồng x 4.000đ/ngày = 84.000.000đ và tính lãi của số tiền gốc 2.300.000.000 tỷ đồng (*từ ngày 10/5 đến ngày 13/5 = 04 ngày*); 04 ngày x 2,3 tỷ đồng x 4.000đ/ngày = 36.800.000đ để chứng minh cho việc bà T cho ông vay nặng lãi, nhưng ông C xác nhận hai khoản lãi này ông đều chưa trả cho bà T.

[3] Hơn nữa, ngoài lời trình bày của ông C về khoản tiền lãi tính từ các khoản nợ ông vay của bà T trong suốt thời gian từ ngày 02/5/2019 đến trước ngày 25/8/2019 (ngày ghi giấy mượn tiền) và bản photo giấy tính tiền lãi nêu trên, thì ông C xác định không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình về việc tự bà T tính lãi đối với các khoản tiền gốc còn lại để chứng minh bà T cho vay nặng lãi với tổng số tiền lãi là 2.997.793.126đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T cũng thừa nhận bản photo giấy tính lãi và chốt khoản tiền nợ tính đến ngày 13/5/2019 mà ông C xuất trình là do chính bà viết, nhưng khoản lãi này bà chưa nhận. Chữ viết phía sau giấy cam kết mà ông C viết ngày 06/01/2020 mà ông C trình bày là do bà viết; đối với các khoản tiền lãi mà ông C trình bày tại phiên tòa là do ông C tự tính.

[4] Mặt khác, tại phiên tòa, ông C có xuất trình 01 bản chính giấy cam kết do ông chính ông C viết vào ngày 06/01/2020 có nội dung:

*“Tôi cam kết trả trước hết số tiền giấy nợ tạm tính 3 tỷ. Liên 150tr; Như 200 tr; Mari 200tr; lãi 18/8:100; V Anh 130tr; lãi Quyên 100 (trả lãi của em)*

*Tổng số nợ tạm tính 3.880.000.000đ.*

*Tôi cam kết trả đúng hạn trước hết âm lịch 2020. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật hoặc xử lý tài sản 117 ĐT, F8, ĐL” (BL117).*

[5] Như vậy, đến ngày 06/01/2020, ông C đã tự xác định số tiền 3.000.000.000đ trong giấy cam kết này là số tiền ông nợ theo giấy mượn ngày 25/8/2020 và xác định số tiền 880.000.000 là số tiền nợ gốc mới. Đồng thời, ông C cũng xác định giấy này ông đã gạch chéo vì chưa hủy giấy mượn tiền 3.000.000.000đ ghi ngày 25/8/2019 và sau đó ông đã tính lãi ở phía sau tờ giấy và bà T viết thêm lãi để tính ra số tiền 1.046.0000.000đ.

Do vậy, việc ông C trình bày số tiền 3.000.000.000đ theo giấy mượn tiền ghi ngày 25/8/2019 là tiền cho vay nặng lãi của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với giấy mượn số tiền 1.046.0000.000đ ghi ngày 03/02/2020 thì thấy rằng:

Như lời trình bày của ông C, xuất phát từ giấy cam kết viết ngày 06/01/2020, ông C xác định tổng số nợ tạm tính là 3.880.000.000đ, trong đó gồm 3.000.000.000đ theo giấy ghi nợ ngày 25/8/2020 và số tiền nợ gốc mới là 880.000.000đ và ông C trình bày ông đã viết thêm phía sau của tờ giấy cam kết để tính số tiền lãi cho bà T là 123.000.000đ (tính lãi suất 2%/ tháng), nhưng bà T không đồng ý và có cộng thêm số tiền 62.000.000đ tiền lãi + 124.000.000đ tiền lãi (ông C tính 123.000.000đ, bà T sửa lại thành 124.000.000đ) + 860.000.000đ tiền gốc (vì ông đã trả cho bà T 20.000.000đ trong số tiền 880.000.000đ nợ gốc), để ra số tiền nợ là 1.046.000.000đ mà ông ghi nợ ngày 03/02/2020.

Tuy nhiên, trong số tiền nợ gốc 880.000.000đ thì ông có tính nhầm số tiền 200.000.000đ của Mari vì thực chất đây là số tiền 200.000.000đ của anh Việt A



chuyển cho ông vào ngày 18/6/2019. Vì vậy, số tiền nợ gốc của giấy mượn tiền ghi ngày 03/02/2020 chỉ có 860.000.000đ nên ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 660.000.000đ và lãi suất theo ngân hàng.

Trong khi đó bà T xác định bà có ghi vào phía sau giấy cam kết của ông C viết vào ngày 06/01/2020 và bà T thừa nhận ông C có trả cho bà số tiền 20.000.000đ của số nợ gốc 880.000.000đ mà ông C đã ghi nhận. Tuy nhiên, bà có đưa cho ông C vay thêm số tiền 124.000.000đ + 62.000.000đ; bà không thừa nhận số tiền 200.000.000đ của Mari mà ông C cho rằng trùng với số tiền 200.000.000đ mà Việt A đã chuyển cho ông C vào ngày 18/6/2019. Vì vậy, bà đã viết vào phía sau giấy cam kết của ông C số tiền gốc là 124.000.000đ + 62.000.000đ + 860.000.000đ = 1.046.000.000đ. Căn cứ vào giấy này mà ông C đã viết giấy mượn số tiền 1.046.000.000đ vào ngày 03/02/2020.

Do bà T lại không có chứng cứ để chứng minh có việc cho ông C vay thêm tổng số tiền 186.000.000đ (124.000.000đ + 62.000.000đ) và ông C cũng không thừa nhận có vay thêm số tiền này của bà T nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà T liên quan đến khoản vay 1.046.000.000đ thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần đối với số tiền 860.000.000đ (1.046.000.000đ - 186.000.000đ) là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm lại không tuyên xử “Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với ông Vũ Hoa C đối với số tiền 186.000.000đ” mà lại buộc bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 9.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót nên Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm về phần này là có căn cứ.

[7] Đối với số tiền 15.000.000đ, ông C đã trả cho bà Trần Thị Mỹ T theo biên lai chuyển tiền ngày 08/7/2019, bà T xác định bà có nhận số tiền này và nguồn gốc số tiền này bà vay của ông Đỗ Thành Q để cho ông C vay, sau khi ông C chuyển khoản trả cho bà thì bà đã trả lại cho ông Q. Đồng thời, ông Q xác định việc vay mượn giữa bà T và ông C ông không biết. Bà T đã mượn ông 15.000.000đ và đã trả cho ông; ông không có ý kiến yêu cầu, tranh chấp gì trong vụ án này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc vay mượn giữa bà T và ông Q không liên quan trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là có căn cứ.

[8] Đối với yêu cầu giám định chữ viết phía sau phần tính lãi của ông Vũ Hoa C ghi tính lãi theo giấy ngày 06/1/2020 vì cho rằng Bà T viết chồng lên là chữ của bà T. Tuy nhiên, bà T xác định chữ viết tính lãi do ông C viết, còn dòng chữ ghi số tiền 124 + 62 + 860 = 1.046.000đ là do chính bà viết ra nên việc ông C yêu cầu giám định chữ viết chồng lên này là không cần thiết nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[9] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn về việc tính lãi suất của số tiền 3.000.000.000đ theo giấy ghi ngày 25/8/2019 và số tiền lãi của số tiền 1.046.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 03/02/2020, là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét giải

quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là có căn cứ.

[10] Do các bên đương sự đều thừa nhận nội dung của Giấy cam kết do bị đơn Vũ Hoa C viết ngày 06/01/2020 và xuất trình ngay tại phiên tòa, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không phải đưa nhân chứng Vũ Hoàng Thanh Liêm vào tham gia tố tụng với tư cách là nhân chứng là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, tổng số tiền mà bản án sơ thẩm tuyên xử buộc ông Vũ Hoa C có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ T là 3.860.000.000đ (3.000.000.000đ + 860.000.000đ) là có căn cứ.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoa C và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL để sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

[11] Về án phí: Do kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ T và ông Vũ Hoa C không được chấp nhận nên bà T, ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoa C và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với ông Vũ Hoa C.

Buộc ông Vũ Hoa C phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ T tổng số tiền nợ gốc là 3.860.000.000đ ( *Ba tỷ tám trăm sáu chục triệu đồng*).

- Lãi suất chậm thi hành án: “Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

2- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với ông Vũ Hoa C đối với số tiền 186.000.000đ ( *Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

3- Về án phí sơ thẩm:

3.1- Buộc ông Vũ Hoa C phải chịu 109.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2- Buộc bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 9.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 56.002.300 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017312 ngày 20/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL. Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền 46.702.300 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn thừa.

4- Về án phí phúc thẩm:

4.1- Buộc bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003282 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL.

4.2- Buộc ông Vũ Hoa C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003285 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. ĐL;
- CCTHADS Tp. ĐL;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Hữu Nhân**





**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh - Huỳnh Châu Thạch**

**Bùi Hữu Nhân**







